

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
490	32021728	Tâm lý học sáng tạo	20-0102	2	Hồ Thị Thuý Hằng	20CTL2	A1-102	5	Chiều	9	2	—45678901–34567890—
491	32021735	Tâm lý học trí tuệ	20-0102	2	Hồ Thị Thuý Hằng	20CTL2	A1-101	6	Sáng	4	2	—45678901–34567890—
492	32021778	Thực hành chẩn đoán tâm lý	20-0102	2	Lê Mỹ Dung	20CTL2	B3-507	3	Sáng	4	2	—45678901–34567890—
493	32021812	Thực hành phương pháp nghiên cứu tâm lý học	20-0102	2	Hoàng Thế Hải	20CTL2	A1-203	2	Sáng	3	2	—45678901–34567890—
494	32021822	Thực hành tâm lý học 2	20-0102	2	Hồ Thị Thuý Hằng	20CTL2	B3-405	7	Chiều	6	4	—45678901–34567890—
495	32031732	Tham vấn	20-0102	3	Bùi Thị Thanh Diệu	20CTL2	A1-102	7	Sáng	1	3	—45678901–34567890—
496	32041736	Tâm lý học xã hội	20-0102	4	Nguyễn Thị Phương Trang	20CTL2	A1-203	2	Chiều	6	4	—45678901–34567890—
497	32028089	Thực hành chẩn đoán tâm lý	20-0101	2	Lê Mỹ Dung	20CTL2	A5-202	5	Chiều	6	2	—45678901–34567890—
498	32028094	Thực hành tâm bệnh học	20-0101	2	Lâm Tứ Trung	20CTL2	DITHUCTE	5	Sáng	1	2	—45678901–34567890—
499	32028095	Nhập môn tâm lý trị liệu	20-0101	2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20CTL2	B3.202B	4	Sáng	2	2	—45678901–34567890—
500	32028106	Tâm lý học trí tuệ	20-0101	2	Hồ Thị Thuý Hằng	20CTL2	A5-211	7	Sáng	4	2	—45678901–34567890—
501	32038078	Psychology of personnality (Tâm lý học nhân cách)	20-0101	3	Lê Quang Sơn	20CTL2	A5-211	7	Sáng	1	3	—45678901–34567890—
502	32038080	Thực hành phương pháp nghiên cứu tâm lý học	20-0101	3	Lê Mỹ Dung	20CTL2	A5-404B	3	Chiều	8	3	—45678901–34567890—
503	32038090	Tham vấn	20-0101	3	Bùi Thị Thanh Diệu	20CTL2	A6-401	3	Sáng	1	3	—45678901–34567890—
504	32021702	Sức khỏe cộng đồng	20-0101	2	Trịnh Thị Nguyệt	20CTXH	B3-205	5	Chiều	9	2	—45678901–34567890—
505	32031116	Công tác xã hội trong trường học	20-0101	3	Hà Văn Hoàng	20CTXH	B3-105	2	Sáng	1	3	—45678901–34567890—
506	32031899	Tổ chức và phát triển cộng đồng	20-0101	3	Phạm Thị Kiều Duyên	20CTXH	B3-205	5	Chiều	6	3	—45678901–34567890—
507	32041603	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	20-0101	4	Hà Văn Hoàng	20CTXH	B3-105	3	Chiều	6	4	—45678901–34567890—
508	32041790	Thực hành Công tác xã hội với nhóm	20-0101	4	Lê Thị Lâm	20CTXH	B3-105	4	Sáng	1	4	—45678901–34567890—
509	31222203	Lập trình game học tập	20-0101	2	Trần Văn Hưng	20STC	A5-304	2	Chiều	9	2	—45678901–34567890—
510	31232180	Lập trình trực quan	20-0101	3	Trần Văn Hưng	20STC	A5-207	5	Sáng	3	3	—45678901–34567890—
511	31242191	Phương pháp dạy học tin học ở tiểu học	20-0101	4	Trần Văn Hưng	20STC	A5-207	6	Chiều	7	4	—45678901–34567890—
512	32222197	Rèn luyện kĩ năng sư phạm 2 ở tiểu học	20-0101	2	Nguyễn Phan Lâm Quyên	20STC	A1-203	4	Sáng	1	2	—45678901–34567890—
513	32222208	Phân tích và phát triển chương trình môn học ở tiểu học	20-0105	2	Hoàng Nam Hải	20STC	A5-408	3	Sáng	3	2	—45678901–34567890—
514	32222209	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học ở tiểu học	20-0101	2	Nguyễn Phan Lâm Quyên	20STC	B3-405	4	Chiều	9	2	—45678901–34567890—
515	32242189	Giáo dục STEM trong trường tiểu học	20-0101	4	Kiều Mạnh Hùng	20STC	A1-203	5	Chiều	6	4	—45678901–34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
516	32242190	Phương pháp dạy học công nghệ ở tiểu học	20-0101	4	Nguyễn Thị Hải Yến	20STC	A1-203	6	Sáng	1	4	—45678901–34567890—
517	32221158	Kỹ thuật dạy học Lịch sử - Địa lý ở tiểu học	20-0101	2	Trần Thị Kim Cúc	20STH1	A1-201	6	Chiều	9	2	—45678901–34567890—
518	32221689	Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	20-0101	2	Nguyễn Phan Lâm Quyên	20STH1	A6-503	7	Sáng	4	2	—45678901–34567890—
519	32222208	Phân tích và phát triển chương trình môn học ở tiểu học	20-0101	2	Hoàng Nam Hải	20STH1	B3-306	4	Sáng	4	2	—45678901–34567890—
520	32231081	Cơ sở Khoa học Xã hội và phương pháp dạy học ở tiểu học	20-0101	3	Trần Thị Kim Cúc	20STH1	B4-06	7	Sáng	1	3	—45678901–34567890—
521	32231477	Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học	20-0101	3	Trần Thị Trạch Oanh	20STH1	B3-402	7	Chiều	6	4	—45678901–34567890—
522	32241575	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2 ở tiểu học	20-0101	4	Nguyễn Thị Thuý Nga	20STH1	A6-503	2	Sáng	1	4	—45678901–34567890—
523	32241576	Phương pháp dạy học Toán tiểu học	20-0101	4	Nguyễn Thanh Hưng	20STH1	A-301	5	Chiều	6	4	—45678901–34567890—
524	32221689	Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	20-0102	2	Nguyễn Phan Lâm Quyên	20STH2	B3-403	7	Chiều	9	2	—45678901–34567890—
525	32231081	Cơ sở Khoa học Xã hội và phương pháp dạy học ở tiểu học	20-0102	3	Trần Thị Kim Cúc	20STH2	A5-305	5	Sáng	1	3	—45678901–34567890—
526	32231477	Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học	20-0102	3	Trần Thị Trạch Oanh	20STH2	B3-402	4	Sáng	1	4	—45678901–34567890—
527	32241575	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2 ở tiểu học	20-0102	4	Nguyễn Thị Thuý Nga	20STH2	A5-305	6	Chiều	6	4	—45678901–34567890—
528	32241576	Phương pháp dạy học Toán tiểu học	20-0102	4	Hoàng Nam Hải	20STH2	B3-402	2	Chiều	6	4	—45678901–34567890—
529	32221158	Kỹ thuật dạy học Lịch sử - Địa lý ở tiểu học	20-0103	2	Trần Thị Kim Cúc	20STH3	B3-101	5	Sáng	4	2	—45678901–34567890—
530	32221689	Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	20-0103	2	Trương Thị Lan Nhi	20STH3	B4-06	6	Sáng	4	2	—45678901–34567890—
531	32231081	Cơ sở Khoa học Xã hội và phương pháp dạy học ở tiểu học	20-0103	3	Trần Thị Kim Cúc	20STH3	A6-503	2	Chiều	6	3	—45678901–34567890—
532	32231477	Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học	20-0103	3	Khoa Giáo dục Nghệ thuật	20STH3	A6-503	3	Chiều	6	4	—45678901–34567890—
533	32241575	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2 ở tiểu học	20-0103	4	Nguyễn Thị Thuý Nga	20STH3	B3-402	4	Chiều	6	4	—45678901–34567890—
534	32241576	Phương pháp dạy học Toán tiểu học	20-0103	4	Nguyễn Thanh Hưng	20STH3	A-301	4	Sáng	1	4	—45678901–34567890—
535	32221689	Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	20-0104	2	Trương Thị Lan Nhi	20STH4	A5-308	4	Sáng	4	2	—45678901–34567890—
536	32231081	Cơ sở Khoa học Xã hội và phương pháp dạy học ở tiểu học	20-0104	3	Trần Thị Kim Cúc	20STH4	A6-202	2	Sáng	1	3	—45678901–34567890—
537	32231477	Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học	20-0104	3	Khoa Giáo dục Nghệ thuật	20STH4	A6-202	5	Chiều	6	4	—45678901–34567890—
538	32241575	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2 ở tiểu học	20-0104	4	Nguyễn Thị Thuý Nga	20STH4	A6-202	5	Sáng	1	4	—45678901–34567890—
539	32241576	Phương pháp dạy học Toán tiểu học	20-0104	4	Hoàng Nam Hải	20STH4	A6-202	6	Sáng	1	4	—45678901–34567890—
540	32321270	Giáo dục tình cảm- kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	20-0101	2	Đào Thị Linh Giang	20SMN1	B3-203	5	Chiều	9	2	—45678901–34567890—
541	32331475	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non	20-0101	3	Đào Thị Linh Giang	20SMN1	A5-303	7	Chiều	6	3	—45678901–34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
542	32331556	Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	20-0101	3	Phan Thị Nga	20SMN1	A5-308	2	Sáng	1	3	—45678901–34567890—
543	32331564	Phương pháp cho trẻ làm quen môi trường xung quanh	20-0101	3	Trần Thị Huyền Trân	20SMN1	A5-308	2	Chiều	6	3	—45678901–34567890—
544	32331583	Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	20-0101	3	Nguyễn Thị Triều Tiên	20SMN1	A5-308	3	Sáng	1	3	—45678901–34567890—
545	32331606	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	20-0101	3	Nguyễn Thị Diệu Hà	20SMN1	A5-308	3	Chiều	6	3	—45678901–34567890—
546	32321270	Giáo dục tình cảm- kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	20-0102	2	Đào Thị Linh Giang	20SMN2	B3-306	5	Sáng	4	2	—45678901–34567890—
547	32331475	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non	20-0102	3	Đào Thị Linh Giang	20SMN2	B3-502	4	Chiều	6	3	—45678901–34567890—
548	32331556	Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	20-0102	3	Phan Thị Nga	20SMN2	B3-402	5	Chiều	8	3	—45678901–34567890—
549	32331564	Phương pháp cho trẻ làm quen môi trường xung quanh	20-0102	3	Trần Thị Huyền Trân	20SMN2	B3-402	3	Chiều	8	3	—45678901–34567890—
550	32331583	Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	20-0102	3	Nguyễn Thị Triều Tiên	20SMN2	B3-502	4	Sáng	3	3	—45678901–34567890—
551	32331606	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	20-0102	3	Trần Thị Huyền Trân	20SMN2	B3-402	5	Sáng	1	3	—45678901–34567890—
552	32321270	Giáo dục tình cảm- kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	20-0103	2	Đào Thị Linh Giang	20SMN3	B3-103	6	Sáng	4	2	—45678901–34567890—
553	32331475	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non	20-0103	3	Đào Thị Linh Giang	20SMN3	A5-308	4	Sáng	1	3	—45678901–34567890—
554	32331556	Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	20-0103	3	Phan Thị Nga	20SMN3	A5-308	5	Sáng	1	3	—45678901–34567890—
555	32331564	Phương pháp cho trẻ làm quen môi trường xung quanh	20-0103	3	Trần Thị Huyền Trân	20SMN3	A5-308	4	Chiều	6	3	—45678901–34567890—
556	32331583	Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	20-0103	3	Nguyễn Thị Triều Tiên	20SMN3	A5-308	5	Chiều	6	3	—45678901–34567890—
557	32331606	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	20-0103	3	Trần Thị Huyền Trân	20SMN3	A5-308	6	Sáng	1	3	—45678901–34567890—
558	31131213	Độ đo và tích phân	21-0101	3	Nguyễn Hoàng Thành	21ST1	B3-102	6	Tối	11	3	—45678901–34567890—
559	31131246	Giải tích lỗi	21-0101	3	Hoàng Nhật Quy	21ST1	B3-201	2	Tối	11	3	—45678901–34567890—
560	31131279	Hàm biến phức	21-0101	3	Nguyễn Thị Thùy Dương	21ST1	B3-402	2	Sáng	3	3	—45678901–34567890—
561	31131454	Lý thuyết xác suất	21-0101	3	Lê Văn Dũng	21ST1	B3-402	6	Chiều	6	3	—45678901–34567890—
562	31131612	Phương trình hàm	21-0101	3	Tôn Thất Tú	21ST1	B3-102	5	Tối	11	3	—45678901–34567890—
563	31131914	Tôpô đại cương	21-0101	3	Phan Đức Tuấn	21ST1	B3-102	3	Sáng	1	3	—45678901–34567890—
564	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0101	2	Vương Phương Hoa	21ST1+	B3-102	4	Sáng	1	2	—45678901–34567890—
565	31621549	Pháp luật đại cương	21-0101	2	Nguyễn Thị Kim Tiến	21ST1+	A5-402	3	Chiều	8	2	—45678901–34567890—
566	31131213	Độ đo và tích phân	21-0102	3	Hoàng Nhật Quy	21ST2	B3-306	6	Sáng	1	3	—45678901–34567890—
567	31131279	Hàm biến phức	21-0102	3	Nguyễn Thị Thùy Dương	21ST2	A5-305	7	Sáng	3	3	—45678901–34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
568	31131454	Lý thuyết xác suất	21-0102	3	Lê Văn Dũng	21ST2	B3-102	3	Tối	11	3	—45678901—34567890—
569	31131612	Phương trình hàm	21-0102	3	Tôn Thất Tú	21ST2	B3-202	7	Tối	11	3	—45678901—34567890—
570	31131914	Tôpô đại cương	21-0102	3	Lương Quốc Tuyển	21ST2	B3-306	4	Tối	11	3	—45678901—34567890—
571	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0102	2	Vương Phương Hoa	21ST2+	B3-102	4	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
572	31621549	Pháp luật đại cương	21-0102	2	Nguyễn Thị Kim Tiến	21ST2+	B3-502	3	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
573	31221037	Tiếng anh chuyên ngành 1	21-0102	2	Mai Hà Thi	21CNTT1	B3-506	2	Chiều	9	2	—4567890—34567890—
574	31231456	Mạng máy tính	21-0102	3	Lê Trần Đức	21CNTT1	B3-306	2	Sáng	1	3	—4567890—34567890—
575	31231545	Phân tích và thiết kế giải thuật	21-0102	3	Nguyễn Đình Lầu	21CNTT1	B3-506	3	Sáng	1	3	—4567890—34567890—
576	31241015	Lập trình Java	21-0102	4	Võ Đức Hoàng	21CNTT1	A-301	5	Sáng	1	4	—4567890—34567890—
577	31241036	Trí tuệ nhân tạo	21-0101	4	Nguyễn Thị Ngọc Anh	21CNTT1	A5-404C	6	Sáng	2	4	—4567890—34567890—
578	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0103	2	Trần Thị Thùy Trang	21CNTT1+	A6-302	5	Chiều	7	2	—4567890—34567890—
579	31621549	Pháp luật đại cương	21-0103	2	Nguyễn Thị Kim Tiến	21CNTT1+	B3-202	2	Chiều	6	2	—4567890—34567890—
580	31221037	Tiếng anh chuyên ngành 1	21-0103	2	Mai Hà Thi	21CNTT2	A5-303	2	Sáng	4	2	—4567890—34567890—
581	31231456	Mạng máy tính	21-0103	3	Lê Văn Mỹ	21CNTT2	A5-303	2	Sáng	1	3	—4567890—34567890—
582	31231545	Phân tích và thiết kế giải thuật	21-0103	3	Phạm Anh Phương	21CNTT2	A5-303	2	Chiều	6	3	—4567890—34567890—
583	31241015	Lập trình Java	21-0103	4	Hồ Ngọc Tú	21CNTT2	A5-303	3	Sáng	1	4	—4567890—34567890—
584	31241036	Trí tuệ nhân tạo	21-0102	4	Nguyễn Thị Ngọc Anh	21CNTT2	A5-404C	5	Sáng	2	4	—4567890—34567890—
585	31241036	Trí tuệ nhân tạo	21-0103	4	Nguyễn Thị Ngọc Anh	21CNTT2	A5-404C	4	Sáng	2	4	—4567890—34567890—
586	31621549	Pháp luật đại cương	21-0123	2	Phan Thị Nhật Tài	21CNTT2	A5-402	6	Sáng	1	2	—4567890—34567890—
587	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0104	2	Trần Thị Thùy Trang	21CNTT2+	A6-302	5	Chiều	9	2	—4567890—34567890—
588	31221037	Tiếng anh chuyên ngành 1	21-0104	2	Phạm Hồ Trọng Nguyên	21CNTT3	A5-303	6	Sáng	4	2	—4567890—34567890—
589	31231456	Mạng máy tính	21-0104	3	Lê Văn Mỹ	21CNTT3	B3-506	3	Chiều	6	3	—4567890—34567890—
590	31231545	Phân tích và thiết kế giải thuật	21-0104	3	Phạm Anh Phương	21CNTT3	B3-506	4	Chiều	6	3	—4567890—34567890—
591	31241015	Lập trình Java	21-0104	4	Hồ Ngọc Tú	21CNTT3	B3-506	5	Sáng	1	4	—4567890—34567890—
592	31241036	Trí tuệ nhân tạo	21-0104	4	Lê Thị Thu Nga	21CNTT3	B3-101	7	Sáng	1	4	—4567890—34567890—
593	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0105	2	Nguyễn Thị Kiều Trinh	21CNTT3+	B3-202	3	Sáng	1	2	—4567890—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
594	31621549	Pháp luật đại cương	21-0121	2	Nguyễn Thị Hoài Thương	21CNTT3+	B3-502	3	Sáng	3	2	—4567890—34567890—
595	31221037	Tiếng anh chuyên ngành 1	21-0105	2	Phạm Hồ Trọng Nguyên	21CNTT4	B3-206	2	Sáng	4	2	—4567890—34567890—
596	31231456	Mạng máy tính	21-0105	3	Lê Văn Mỹ	21CNTT4	B3-506	2	Chiều	6	3	—4567890—34567890—
597	31231545	Phân tích và thiết kế giải thuật	21-0105	3	Nguyễn Đình Lầu	21CNTT4	B3-506	2	Sáng	1	3	—4567890—34567890—
598	31241015	Lập trình Java	21-0105	4	Hồ Ngọc Tú	21CNTT4	B3-506	4	Sáng	1	4	—4567890—34567890—
599	31241036	Trí tuệ nhân tạo	21-0105	4	Lê Thị Thu Nga	21CNTT4	A5-403	7	Chiều	6	4	—4567890—34567890—
600	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0106	2	Nguyễn Thị Kiều Trinh	21CNTT4+	B3-202	3	Sáng	3	2	—4567890—34567890—
601	31621549	Pháp luật đại cương	21-0122	2	Phan Thị Nhật Tài	21CNTT4+	A6-402	3	Chiều	8	2	—4567890—34567890—
602	31228002	Tiếng Anh chuyên ngành 1	21-0101	2	Mai Hà Thi	21CNTTC	A5-202	2	Chiều	7	2	—4567890—34567890—
603	31238010	Hệ điều hành	21-0101	3	Phạm Hồ Trọng Nguyên	21CNTTC	A5-404B	6	Sáng	1	3	—4567890—34567890—
604	31238031	Mạng máy tính	21-0101	3	Lê Trần Đức	21CNTTC	A5-404B	5	Chiều	6	3	—4567890—34567890—
605	31238033	Phân tích và thiết kế giải thuật	21-0101	3	Nguyễn Đình Lầu	21CNTTC	A5-304	7	Sáng	1	3	—4567890—34567890—
606	31248039	Lập trình Java	21-0101	4	Võ Đức Hoàng	21CNTTC	A5-404B	3	Sáng	1	4	—4567890—34567890—
607	32028042	Kỹ năng giao tiếp và lãnh đạo	21-0101	2	Hoàng Thế Hải	21CNTTC	A5-202	2	Sáng	1	2	—4567890—34567890—
608	21328901	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	21-0101	2	Trần Phan Hiếu	21CNTTC +	A5-404C	3	Chiều	8	2	—4567890—34567890—
609	31628018	Pháp luật đại cương	21-0101	2	Nguyễn Thị Kim Tiến	21CNTTC +	A5-401	3	Chiều	6	2	—4567890—34567890—
610	31221037	Tiếng anh chuyên ngành 1	21-0101	2	Mai Hà Thi	21SPT	A1-201	3	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
611	31231281	Hệ điều hành	21-0101	3	Doàn Duy Bình	21SPT	A5-207	5	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
612	31231456	Mạng máy tính	21-0101	3	Lê Văn Mỹ	21SPT	A5-201	5	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
613	31231545	Phân tích và thiết kế giải thuật	21-0101	3	Phạm Anh Phương	21SPT	A5-201	4	Sáng	3	3	—45678901—34567890—
614	31321154	Dao động và sóng	21-0101	2	Dụng Văn Lữ	21SVL1	A1-101	3	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
615	31321460	Thí nghiệm Nhiệt học	21-0101	2	Mai Thị Kiều Liên	21SVL1	B3-407	2	Sáng	1	5	—45678901—34567890—
616	31321460	Thí nghiệm Nhiệt học	21-0102	2	Mai Thị Kiều Liên	21SVL1	B3-407	5	Chiều	6	5	—45678901—34567890—
617	31331428	Tiếng Anh chuyên ngành Vật lí	21-0101	3	Mai Thị Kiều Liên	21SVL1	A1-101	7	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
618	31341200	Điện và từ học	21-0101	4	Nguyễn Quý Tuấn	21SVL1	A1-101	6	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
619	31321154	Dao động và sóng	21-0102	2	Dụng Văn Lữ	21SVL2	A5-406	4	Chiều	9	2	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
620	31321460	Thí nghiệm Nhiệt học	21-0103	2	Đinh Thanh Khấn	21SVL2	B3-407	3	Chiều	6	5	—45678901—34567890—
621	31321460	Thí nghiệm Nhiệt học	21-0104	2	Đinh Thanh Khấn	21SVL2	B3-407	7	Chiều	6	5	—45678901—34567890—
622	31331428	Tiếng Anh chuyên ngành Vật lí	21-0102	3	Mai Thị Kiều Liên	21SVL2	A5-401	5	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
623	31341200	Điện và từ học	21-0102	4	Nguyễn Quý Tuấn	21SVL2	A5-401	3	Sáng	1	4	—45678901—34567890—
624	31421047	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành hóa học	21-0101	2	Trần Đức Mạnh	21CHD	B3-206	7	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
625	31421196	Điện hóa học	21-0102	2	Vũ Thị Duyên	21CHD	B3-406	7	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
626	31421309	Hóa học tinh thể và phức chất	21-0101	2	Đinh Văn Tạc	21CHD	A6-402	4	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
627	31421804	Thực hành hóa vô cơ	21-0103	2	Ngô Thị Mỹ Bình	21CHD	D-203	6	Sáng	1	5	—45678901—34567890—
628	31421804	Thực hành hóa vô cơ	21-0104	2	Ngô Thị Mỹ Bình	21CHD	D-203	2	Chiều	6	5	—45678901—34567890—
629	31421804	Thực hành hóa vô cơ	21-0105	2	Nguyễn Thị Thy Nga	21CHD	D-203	5	Chiều	6	5	—45678901—34567890—
630	31422139	Tin học ứng dụng trong hóa học	21-0102	2	Mai Văn Bảy	21CHD	A5-209	2	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
631	31441324	Hydrocacbon và dẫn xuất hydrocacbon	21-0102	4	Trần Đức Mạnh	21CHD	A6-403	3	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
632	31522134	Giải phẫu sinh lý người	21-0101	2	Nguyễn Công Thùy Trâm	21CHD	B3-203	5	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
633	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0107	2	Nguyễn Thị Kiều Trinh	21CHD+	B3-202	4	Sáng	2	2	—45678901—34567890—
634	31621549	Pháp luật đại cương	21-0104	2	Nguyễn Thị Kim Tiến	21CHD+	B3-202	6	Chiều	8	2	—45678901—34567890—
635	31421020	Tiếng Anh chuyên ngành	21-0101	2	Võ Thắng Nguyễn	21SHH	A1-102	6	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
636	31421804	Thực hành hóa vô cơ	21-0101	2	Ngô Thị Mỹ Bình	21SHH	D-203	5	Sáng	1	5	—45678901—34567890—
637	31421804	Thực hành hóa vô cơ	21-0102	2	Ngô Thị Mỹ Bình	21SHH	D-203	7	Sáng	1	5	—45678901—34567890—
638	31421909	Tổng hợp các chất hữu cơ	21-0103	2	Nguyễn Trần Nguyên	21SHH	A5-401	6	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
639	31441318	Hóa vô cơ	21-0101	4	Ngô Thị Mỹ Bình	21SHH	A5-401	4	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
640	31441324	Hydrocacbon và dẫn xuất hydrocacbon	21-0101	4	Nguyễn Trần Nguyên	21SHH	A5-401	5	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
641	32031255	Giáo dục học	21-0102	3	Nguyễn Hoàng Hải	21SHH	A5-401	6	Sáng	3	3	—45678901—34567890—
642	31322231	Thí nghiệm cơ và điện	21-0101	2	Lê Vũ Trường Sơn	21SKT1	B3-308	3	Sáng	1	5	—45678901—34567890—
643	31322231	Thí nghiệm cơ và điện	21-0102	2	Lê Vũ Trường Sơn	21SKT1	B3-308	6	Sáng	1	5	—45678901—34567890—
644	31322231	Thí nghiệm cơ và điện	21-0103	2	Lê Vũ Trường Sơn	21SKT1	B3-308	7	Sáng	1	5	—45678901—34567890—
645	31342228	Điện và từ	21-0101	4	Nguyễn Văn Hiếu	21SKT1	B3-502	7	Chiều	6	4	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
646	31422249	Tiếng Anh chuyên ngành Khoa học tự nhiên	21-0101	2	Võ Thắng Nguyên	21SKT1	B3-206	2	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
647	31422250	Ứng dụng tin học trong dạy học Khoa học Tự nhiên	21-0102	2	Bùi Ngọc Phương Châu	21SKT1	A5-209	2	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
648	31441318	Hóa vô cơ	21-0102	4	Đinh Văn Tạc	21SKT1	A5-403	3	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
649	32021273	Giao tiếp sư phạm	21-0109	2	Hồ Thị Thuý Hằng	21SKT1	B3-301	5	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
650	31322231	Thí nghiệm cơ và điện	21-0104	2	Lê Vũ Trường Sơn	21SKT2	B3-308	7	Chiều	6	5	—45678901—34567890—
651	31322231	Thí nghiệm cơ và điện	21-0105	2	Lê Vũ Trường Sơn	21SKT2	B3-308	2	Sáng	1	5	—45678901—34567890—
652	31322231	Thí nghiệm cơ và điện	21-0106	2	Lê Vũ Trường Sơn	21SKT2	B3-308	5	Chiều	6	5	—45678901—34567890—
653	31342228	Điện và từ	21-0102	4	Nguyễn Văn Hiếu	21SKT2	A6-402	5	Sáng	1	4	—45678901—34567890—
654	31422249	Tiếng Anh chuyên ngành Khoa học tự nhiên	21-0102	2	Nguyễn Thị Thu Hồng	21SKT2	B3-506	6	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
655	31422250	Ứng dụng tin học trong dạy học Khoa học Tự nhiên	21-0103	2	Bùi Ngọc Phương Châu	21SKT2	C3.202	2	Chiều	8	2	—45678901—34567890—
656	31441318	Hóa vô cơ	21-0103	4	Đinh Văn Tạc	21SKT2	B3-306	6	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
657	32021273	Giao tiếp sư phạm	21-0110	2	Hồ Thị Thuý Hằng	21SKT2	A6-402	6	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
658	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0108	2	Nguyễn Thị Kiều Trinh	21SKT2+	B3-202	4	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
659	31621549	Pháp luật đại cương	21-0105	2	Nguyễn Thị Kim Tiến	21SKT2+	A6-402	3	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
660	31431317	Hóa sinh học	21-0101	3	Nguyễn Thị Bích Hằng	21CNSH	B3-504	2	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
661	31521075	Thực hành Sinh học phân tử	21-0101	2	Nguyễn Minh Lý	21CNSH	B2-105	5	Sáng	1	5	—45678901—34567890—
662	31521155	An toàn Sinh học	21-0101	2	Trần Quang Dân	21CNSH	B3-304	3	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
663	31521803	Thực hành hóa sinh học	21-0101	2	Nguyễn Thị Bích Hằng	21CNSH	B2-307	2	Chiều	6	5	—45678901—34567890—
664	31521818	Thực hành sinh lý học thực vật	21-0101	2	Vũ Đức Hoàng	21CNSH	B2-103	4	Sáng	1	5	—45678901—34567890—
665	31531680	Sinh học phân tử	21-0101	3	Nguyễn Minh Lý	21CNSH	B3-504	6	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
666	31531686	Sinh lý học thực vật	21-0101	3	Võ Châu Tuấn	21CNSH	B3-504	6	Chiều	7	3	—45678901—34567890—
667	31431932	Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên và môi trường	21-0101	3	Nguyễn Văn An	21CTM	C3.103	3	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
668	31521060	Khoa học quản lý	21-0101	2	Võ Văn Minh	21CTM	B3-404	2	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
669	31521217	Độc học môi trường	21-0101	2	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	21CTM	B3-105	5	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
670	31531002	Động vật học	21-0101	3	Phan Thị Hoa	21CTM	B3-305	2	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
671	31531003	Thực vật học	21-0101	3	Nguyễn Thị Kim Yến	21CTM	B3-305	7	Sáng	1	3	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
672	31531037	Công nghệ môi trường đại cương	21-0101	3	Đoạn Chí Cường	21CTM	B3-505	4	Sáng	1	3	—45678901–34567890—
673	31531040	Vì sinh vật môi trường	21-0101	3	Phạm Thị Mỹ	21CTM	B3-505	4	Chiều	6	3	—45678901–34567890—
674	31521127	Lý luận dạy học Sinh học	21-0101	2	Nguyễn Thị Hải Yến	21SS	B3-104	5	Chiều	9	2	—45678901–34567890—
675	31521133	Phát triển chương trình môn học	21-0101	2	Trương Thị Thanh Mai	21SS	A5-406	6	Sáng	4	2	—45678901–34567890—
676	31531120	Sinh lý thực vật	21-0101	3	Võ Châu Tuấn	21SS	B3-205	7	Sáng	1	3	—45678901–34567890—
677	31541121	Giải phẫu và sinh lý người	21-0101	4	Nguyễn Công Thùy Trâm	21SS	B3-303	4	Chiều	6	4	—45678901–34567890—
678	31541987	Vì sinh vật học	21-0101	4	Phạm Thị Mỹ	21SS	B3-507	2	Sáng	1	3	—45678901–34567890—
679	31922225	Khoa học Trái đất	21-0101	2	Lê Ngọc Hành	21SS	A1-203	7	Chiều	6	2	—45678901–34567890—
680	31622061	Nhạc cụ phím điện tử 3	21-0101	2	Ngô Thanh Lâm	21SAN	C3.101	2	Sáng	1	4	—45678901–34567890—
681	31622061	Nhạc cụ phím điện tử 3	21-0102	2	Ngô Thanh Lâm	21SAN	C3.101	4	Chiều	6	4	—45678901–34567890—
682	31622061	Nhạc cụ phím điện tử 3	21-0103	2	Ngô Thanh Lâm	21SAN	C3.101	5	Sáng	1	4	—45678901–34567890—
683	31622066	Thanh nhạc 3	21-0101	2	Nguyễn Hoàng Tịnh Uyên	21SAN	C3.101	2	Chiều	6	4	—45678901–34567890—
684	31622066	Thanh nhạc 3	21-0102	2	Nguyễn Hoàng Tịnh Uyên	21SAN	C3.101	5	Chiều	6	4	—45678901–34567890—
685	31622066	Thanh nhạc 3	21-0103	2	Nguyễn Hoàng Tịnh Uyên	21SAN	C3.101	6	Chiều	6	4	—45678901–34567890—
686	31622082	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	21-0102	2	Hoàng Đình Phương	21SAN	B3-402	7	Sáng	4	2	—45678901–34567890—
687	31721032	Nghệ thuật học	21-0101	2	Đàm Văn Thọ	21SAN	A6-403	7	Chiều	9	2	—45678901–34567890—
688	32031255	Giáo dục học	21-0103	3	Lê Thị Hằng	21SAN	B3-301	4	Tối	11	3	—45678901–34567890—
689	32421010	Logic khoa học trong tư duy nghệ thuật	21-0101	2	Dương Đình Tùng	21SAN	A6-503	3	Sáng	1	2	—45678901–34567890—
690	32431013	Ký xướng âm 3	21-0101	3	Nguyễn Thị Lệ Quyên	21SAN	A5-307	6	Sáng	1	3	—45678901–34567890—
691	32431013	Ký xướng âm 3	21-0101	3	Nguyễn Thị Lệ Quyên	21SAN	C3.101	3	Chiều	6	3	—45678901–34567890—
692	32431013	Ký xướng âm 3	21-0102	3	Nguyễn Thị Lệ Quyên	21SAN	C3.101	3	Tối	11	3	—45678901–34567890—
693	32431013	Ký xướng âm 3	21-0102	3	Nguyễn Thị Lệ Quyên	21SAN	C3.101	7	Chiều	6	3	—45678901–34567890—
694	32431013	Ký xướng âm 3	21-0103	3	Nguyễn Thị Lệ Quyên	21SAN	A5-307	4	Sáng	1	3	—45678901–34567890—
695	32431013	Ký xướng âm 3	21-0103	3	Nguyễn Thị Lệ Quyên	21SAN	C3.101	5	Tối	11	3	—45678901–34567890—
696	31521014	Môi trường và phát triển bền vững	21-0101	2	Trịnh Đăng Mậu	21SCD	B3-506	7	Sáng	4	2	—45678901–34567890—
697	31621023	Nhập môn kinh doanh	21-0101	2	Nguyễn Thị Hương	21SCD	B3-505	5	Sáng	4	2	—45678901–34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
698	31631031	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục công dân	21-0101	3	Vương Thị Bích Thuý	21SCD	A6-202	3	Sáng	3	3	—45678901—34567890—
699	31631693	Lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục công dân	21-0101	3	Hồ Thanh Hải	21SCD	A6-302	2	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
700	31641025	Giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông	21-0101	4	Đinh Thị Phụng	21SCD	A6-302	4	Sáng	1	4	—45678901—34567890—
701	31641232	Giáo dục pháp luật I	21-0101	4	Nguyễn Thị Hoài Thương	21SCD	A6-202	7	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
702	33121252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	21-0103	2	Lê Thị Hiền	21SCD	A6-202	6	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
703	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0109	2	Nguyễn Thị Kiều Trinh	21SCD+	B3-202	7	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
704	31621903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	21-0101	2	Vương Thị Bích Thuý	21SGC	B3-304	2	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
705	31631002	Kinh tế học	21-0101	3	Trần Phan Hiếu	21SGC	B3-504	4	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
706	31631054	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục chính trị	21-0101	3	Vương Thị Bích Thuý	21SGC	B3-504	4	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
707	31631326	Lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục chính trị	21-0101	3	Hồ Thanh Hải	21SGC	B3-504	3	Chiều	8	3	—45678901—34567890—
708	31632167	Triết học trong xu thế vận động của thời đại	21-0101	3	Đinh Thị Phụng	21SGC	B3-504	3	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
709	31721993	Xã hội học đại cương	21-0101	2	Hà Văn Hoàng	21SGC	B3-505	6	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
710	32021273	Giao tiếp sư phạm	21-0111	2	Hồ Thị Thuý Hằng	21SGC	B3-304	3	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
711	31621549	Pháp luật đại cương	21-0106	2	Nguyễn Thị Kim Tiến	21SGC+	A6-402	2	Chiều	8	2	—45678901—34567890—
712	33121252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	21-0101	2	Phùng Khánh Chuyên	21SGC+	B3-402	6	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
713	00121011	Bóng ném	21-0101	2	Lê Quang Phước	21SGT	SVD-03	7	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
714	00131008	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục thể chất	21-0101	3	Nguyễn Thanh Tùng	21SGT	B3-507	4	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
715	00131009	Bóng chuyền	21-0101	3	Phạm Đức Hòa	21SGT	SVD-16	2	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
716	00131010	Thể thao chuyên ngành I	21-0101	3	Trần Văn Trường	21SGT	SVD-16	4	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
717	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0110	2	Nguyễn Thị Kiều Trinh	21SGT+	B3-202	7	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
718	32031255	Giáo dục học	21-0101	3	Nguyễn Hoàng Hải	21SGT+	B3-506	7	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
719	31721060	Báo chí chuyên biệt về văn hóa	21-0101	2	Nguyễn Phương Khánh	21CBC1	A5-403	6	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
720	31721078	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành báo chí	21-0101	2	Trần Thị Hòa	21CBC1	B4-02	5	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
721	31722090	Tác phẩm báo chí	01	2	Khoa Ngữ văn	21CBC1					2	—45678901—34567890—
722	31731008	Kí văn học - kí báo chí	21-0101	3	Nguyễn Quang Huy	21CBC1	B3-301	7	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
723	31731046	Báo ảnh	21-0101	3	Trần Thị Ngọc Hà	21CBC1	A5-209	6	Sáng	1	3	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
724	31731053	Kỹ thuật quay và dựng phim	21-0101	3	Trần Thị Tuyết	21CBC1	B3-501	2	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
725	31732106	Viết tin và bài phản ánh	21-0101	3	Phạm Thị Hương	21CBC1	B3-301	5	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
726	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0114	2	Nguyễn Thị Hương	21CBC1+	B3-302	4	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
727	31621549	Pháp luật đại cương	21-0110	2	Nguyễn Văn Đông	21CBC1+	A5-402	2	Chiều	8	2	—45678901—34567890—
728	31721060	Báo chí chuyên biệt về văn hóa	21-0102	2	Nguyễn Phương Khánh	21CBC2	B3-301	4	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
729	31721078	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành báo chí	21-0102	2	Trần Thị Hòa	21CBC2	B3-102	2	Sáng	2	2	—45678901—34567890—
730	31731008	Kí văn học - kí báo chí	21-0102	3	Nguyễn Quang Huy	21CBC2	B3-501	3	Sáng	3	3	—45678901—34567890—
731	31731046	Báo ảnh	21-0102	3	Trần Thị Ngọc Hà	21CBC2	B3-501	3	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
732	31731053	Kỹ thuật quay và dựng phim	21-0102	3	Trần Thị Tuyết	21CBC2	B3-501	4	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
733	31732106	Viết tin và bài phản ánh	21-0102	3	Phạm Thị Hương	21CBC2	B3-501	2	Chiều	8	3	—45678901—34567890—
734	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0115	2	Nguyễn Thị Hương	21CBC2+	A6-403	3	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
735	31621549	Pháp luật đại cương	21-0111	2	Nguyễn Văn Đông	21CBC2+	A6-402	2	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
736	31728024	Báo chí chuyên biệt về văn hóa	21-0101	2	Nguyễn Phương Khánh	21CBCC	A5-202	2	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
737	31728038	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành báo chí	21-0101	2	Trần Thị Yến Minh	21CBCC	A5-404A	2	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
738	31738012	Báo ảnh	21-0101	3	Trần Thị Ngọc Hà	21CBCC	A5-202	5	Chiều	8	3	—45678901—34567890—
739	31738016	Kỹ thuật quay và dựng phim	21-0101	3	Trần Thị Tuyết	21CBCC	A5-211	2	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
740	31738039	Kí văn học - kí báo chí	21-0101	3	Ngô Minh Hiền	21CBCC	A5-211	6	Sáng	3	3	—45678901—34567890—
741	31738134	Viết tin và bài phản ánh	21-0101	3	Phạm Thị Hương	21CBCC	A5-202	6	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
742	31721014	Tiếng Anh chuyên ngành	21-0104	2	Nguyễn Phương Khánh	21CVH	B3-506	4	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
743	31721923	Từ vựng tiếng Việt trong hệ thống và trong sử dụng	21-0104	2	Trần Văn Sáng	21CVH	B3-506	2	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
744	31721970	Văn học và báo chí	21-0101	2	Nguyễn Thanh Trường	21CVH	B3-203	6	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
745	31731004	Văn bản Hán Nôm Việt Nam	21-0101	3	Nguyễn Hoàng Thân	21CVH	B3-506	6	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
746	31731005	Các lí thuyết và phương pháp tiếp cận văn học	21-0104	3	Nguyễn Thanh Trường	21CVH	A-301	3	Chiều	8	3	—45678901—34567890—
747	31731969	Văn học Trung Quốc	21-0101	3	Trần Ái Vân	21CVH	B3-506	6	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
748	31741340	Khuynh hướng văn học và loại hình tác gia văn học trung đại Việt Nam	21-0101	4	Nguyễn Quang Huy	21CVH	B3-506	5	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
749	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0113	2	Nguyễn Thị Hương	21CVH+	A6-403	3	Sáng	3	2	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
750	31621549	Pháp luật đại cương	21-0109	2	Nguyễn Văn Đông	21CVH+	A6-402	3	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
751	31731030	Nghệ thuật học	21-0101	3	Trần Ái Vân	21CVHH	B3-304	4	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
752	31731420	Lịch sử văn học Việt Nam	21-0101	3	Nguyễn Quang Huy	21CVHH	B3-104	6	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
753	31741952	Văn hóa phương Đông	21-0101	4	Trần Ái Vân	21CVHH	A1-203	6	Chiều	7	4	—45678901—34567890—
754	31831003	Tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam	21-0101	3	Lê Thị Thu Hiền	21CVHH	B3-304	3	Chiều	8	3	—45678901—34567890—
755	31931018	Địa danh học và địa danh Việt Nam	21-0101	3	Bùi Trọng Ngoan	21CVHH	A1-203	7	Chiều	8	3	—45678901—34567890—
756	31721014	Tiếng Anh chuyên ngành	21-0101	2	Nguyễn Phương Khánh	21SNV1	A5-308	7	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
757	31721088	Phát triển chương trình môn Ngữ văn	21-0101	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	21SNV1	A6-202	7	Sáng	2	2	—45678901—34567890—
758	31721923	Từ vựng tiếng Việt trong hệ thống và trong sử dụng	21-0101	2	Trần Văn Sáng	21SNV1	B3-502	4	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
759	31731005	Các lí thuyết và phương pháp tiếp cận văn học	21-0101	3	Nguyễn Thanh Trường	21SNV1	A1-203	4	Sáng	3	3	—45678901—34567890—
760	31731085	Khuynh hướng văn học và loại hình tác gia văn học trung đại Việt Nam	21-0101	3	Nguyễn Quang Huy	21SNV1	A6-302	5	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
761	31731706	Tác phẩm và thể loại văn học	21-0101	3	Phạm Thị Thu Hương	21SNV1	B3-201	7	Tối	11	3	—45678901—34567890—
762	32021273	Giao tiếp sư phạm	21-0112	2	Hồ Thị Thuý Hằng	21SNV1	A6-302	2	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
763	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0111	2	Nguyễn Thị Kiều Trinh	21SNV1+	B3-202	7	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
764	31621549	Pháp luật đại cương	21-0107	2	Nguyễn Văn Đông	21SNV1+	B3-202	7	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
765	31721014	Tiếng Anh chuyên ngành	21-0102	2	Nguyễn Phương Khánh	21SNV2	B3-402	5	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
766	31721088	Phát triển chương trình môn Ngữ văn	21-0102	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	21SNV2	A6-302	7	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
767	31721923	Từ vựng tiếng Việt trong hệ thống và trong sử dụng	21-0102	2	Bùi Trọng Ngoan	21SNV2	B3-403	4	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
768	31731005	Các lí thuyết và phương pháp tiếp cận văn học	21-0102	3	Nguyễn Thanh Trường	21SNV2	A6-503	4	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
769	31731085	Khuynh hướng văn học và loại hình tác gia văn học trung đại Việt Nam	21-0102	3	Nguyễn Quang Huy	21SNV2	A6-503	6	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
770	31731706	Tác phẩm và thể loại văn học	21-0102	3	Phạm Thị Thu Hương	21SNV2	A6-503	4	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
771	32021273	Giao tiếp sư phạm	21-0113	2	Hoàng Thế Hải	21SNV2	B3-403	4	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
772	31721088	Phát triển chương trình môn Ngữ văn	21-0103	2	Đặng Phúc Hậu	21SNV3	A5-308	6	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
773	31721923	Từ vựng tiếng Việt trong hệ thống và trong sử dụng	21-0103	2	Bùi Trọng Ngoan	21SNV3	B3-403	4	Sáng	2	2	—45678901—34567890—
774	31731005	Các lí thuyết và phương pháp tiếp cận văn học	21-0103	3	Nguyễn Thanh Trường	21SNV3	A5-208	6	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
775	31731085	Khuynh hướng văn học và loại hình tác gia văn học trung đại Việt Nam	21-0103	3	Nguyễn Quang Huy	21SNV3	A-301	7	Chiều	6	3	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
776	31731706	Tác phẩm và thể loại văn học	21-0103	3	Phạm Thị Thu Hương	21SNV3	A6-402	4	Chiều	8	3	—45678901—34567890—
777	32021273	Giao tiếp sư phạm	21-0114	2	Bùi Thị Thanh Diệu	21SNV3	A5-308	5	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
778	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0112	2	Nguyễn Thị Hương	21SNV3+	B3-202	3	Chiều	8	2	—45678901—34567890—
779	31621549	Pháp luật đại cương	21-0108	2	Nguyễn Thị Hoài Thương	21SNV3+	A5-402	4	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
780	31821044	Ngoại giao văn hóa	21-0101	2	Khoa Lịch sử	21CLS	B3-304	5	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
781	31831040	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Lịch sử	21-0101	3	Lưu Trang	21CLS	B3-304	6	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
782	31841417	Lịch sử thế giới hiện đại	21-0102	4	Lưu Trang	21CLS	B3-304	6	Sáng	1	4	—45678901—34567890—
783	31841426	Lịch sử Việt Nam hiện đại	21-0102	4	Nguyễn Minh Phương	21CLS	B3-504	7	Sáng	1	4	—45678901—34567890—
784	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0119	2	Nguyễn Thị Hương	21CLS+	B3-102	4	Chiều	8	2	—45678901—34567890—
785	31821015	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Việt Nam học	21-0101	2	Lưu Trang	21CVNH1	B3-301	7	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
786	31821025	Quản trị nhân sự du lịch	21-0101	2	Tô Văn Hạnh	21CVNH1	B3-301	7	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
787	31821661	Quy hoạch du lịch	21-0103	2	Phạm Thị Lắm	21CVNH1	A-301	2	Sáng	2	2	—45678901—34567890—
788	31831018	Văn hoá Chăm	21-0101	3	Trần Thị Mai An	21CVNH1	B3-401	4	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
789	31831021	Quản trị nhà hàng - khách sạn	21-0101	3	Tô Văn Hạnh	21CVNH1	B3-401	5	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
790	32021005	Tâm lý khách du lịch	21-0101	2	Hoàng Thế Hải	21CVNH1	A5-404C	6	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
791	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0116	2	Nguyễn Thị Hương	21CVNH1 +	B3-302	4	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
792	31621549	Pháp luật đại cương	21-0112	2	Nguyễn Văn Đông	21CVNH1 +	A5-402	3	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
793	31821015	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Việt Nam học	21-0102	2	Lưu Trang	21CVNH2	A6-202	3	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
794	31821025	Quản trị nhân sự du lịch	21-0102	2	Tô Văn Hạnh	21CVNH2	B3-501	3	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
795	31821661	Quy hoạch du lịch	21-0104	2	Phạm Thị Lắm	21CVNH2	B3-501	2	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
796	31831018	Văn hoá Chăm	21-0102	3	Trần Thị Mai An	21CVNH2	B3-203	2	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
797	31831021	Quản trị nhà hàng - khách sạn	21-0102	3	Tô Văn Hạnh	21CVNH2	B3-203	2	Chiều	8	3	—45678901—34567890—
798	32021005	Tâm lý khách du lịch	21-0102	2	Hoàng Thế Hải	21CVNH2	B3-501	2	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
799	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0117	2	Nguyễn Thị Hương	21CVNH2 +	B3-202	3	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
800	31621549	Pháp luật đại cương	21-0113	2	Nguyễn Văn Đông	21CVNH2 +	B3-202	6	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
801	31521014	Môi trường và phát triển bền vững	21-0102	2	Nguyễn Thị Kim Thoa	21SLD	B3-403	3	Sáng	1	2	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
802	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	21-0102	2	Lê Thị Thu Hiền	21SLD	B3-403	2	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
803	31821421	Lịch sử văn minh thế giới	21-0102	2	Trương Trung Phương	21SLD	A6-503	4	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
804	31831036	Quan hệ Việt Nam - ASEAN	21-0101	3	Nguyễn Văn Sang	21SLD	B3-403	3	Chiều	8	3	—45678901—34567890—
805	31921029	Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	21-0101	2	Nguyễn Thị Kim Thoa	21SLD	A6-202	6	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
806	31931004	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	21-0101	3	Trương Văn Cảnh	21SLD	B3-403	3	Sáng	3	3	—45678901—34567890—
807	32031255	Giáo dục học	21-0104	3	Nguyễn Thị Quý	21SLD	B3-403	2	Sáng	3	3	—45678901—34567890—
808	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0118	2	Nguyễn Thị Hương	21SLD+	B3-102	4	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
809	31621549	Pháp luật đại cương	21-0114	2	Nguyễn Thị Hoài Thương	21SLD+	A5-402	3	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
810	31841417	Lịch sử thế giới hiện đại	21-0101	4	Lưu Trang	21SLS	A1-203	3	Chiều	7	4	—45678901—34567890—
811	31841426	Lịch sử Việt Nam hiện đại	21-0101	4	Nguyễn Minh Phương	21SLS	A1-203	4	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
812	32041719	Tâm lí học giáo dục	21-0101	4	Lê Thị Ngọc Lan	21SLS	A1-203	5	Sáng	1	4	—45678901—34567890—
813	31831013	Phát triển du lịch bền vững	21-0101	3	Nguyễn Thị Kim Thoa	21CDDL	B3-406	4	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
814	31921023	An ninh và an toàn trong du lịch	21-0101	2	Nguyễn Phú Thắng	21CDDL	B3-406	2	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
815	31921060	Địa lí tự nhiên Việt Nam 1	21-0101	2	Lê Ngọc Hành	21CDDL	B3-406	3	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
816	31921064	Địa lí văn hóa Việt Nam	21-0101	2	Nguyễn Thị Kim Thoa	21CDDL	B3-406	3	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
817	31931141	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới	21-0101	3	Nguyễn Thị Hồng	21CDDL	B3-406	3	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
818	31931175	Địa lí du lịch thế giới	21-0101	3	Trương Phước Minh	21CDDL	B3-406	3	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
819	32021005	Tâm lý khách du lịch	21-0103	2	Hồ Thị Thuý Hằng	21CDDL	B3-406	2	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
820	31921912	Tổng quan du lịch	21-0101	2	Nguyễn Thị Kim Thoa	21SDL	A5-401	6	Chiều	7	2	—45678901—34567890—
821	31931053	Thổ nhưỡng - Sinh quyển - Lớp vỏ cảnh quan	21-0101	3	Hoàng Thị Diệu Hương	21SDL	A5-401	3	Chiều	8	3	—45678901—34567890—
822	31931072	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Địa lí	21-0101	3	Đoàn Thị Thông	21SDL	B4-03	5	Sáng	3	3	—45678901—34567890—
823	31931178	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 2	21-0101	3	Đoàn Thị Thông	21SDL	B3-205	6	Sáng	3	3	—45678901—34567890—
824	31931290	Hệ thống thông tin địa lí	21-0101	3	Nguyễn Thị Diệu	21SDL	A5-201	3	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
825	31931436	Lí luận dạy học địa lí	21-0101	3	Nguyễn Văn Thái	21SDL	B3-504	2	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
826	31121002	Thống kê trong khoa học xã hội	21-0101	2	Nguyễn Thị Hà Phương	21CTL1	A6-503	5	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
827	32021022	Tiếng Anh chuyên ngành	21-0101	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	21CTL1	B3-305	3	Chiều	9	2	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
828	32021066	Tâm lý học lao động	21-0101	2	Hoàng Thế Hải	21CTL1	B3-405	7	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
829	32021821	Thực hành tâm lý học 1	21-0101	2	Hoàng Thế Hải	21CTL1	B3-101	7	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
830	32031725	Tâm lý học phát triển 1	21-0101	3	Hồ Thị Thuý Hằng	21CTL1	B3-206	7	Tối	11	3	—45678901—34567890—
831	32031736	Tâm lý học xã hội	21-0101	3	Nguyễn Thị Phương Trang	21CTL1	B3-103	2	Tối	11	3	—45678901—34567890—
832	32021065	Kỹ năng lãnh đạo	21-0101	2	Lê Quang Sơn	21CTL1+	A-301	2	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
833	31121002	Thống kê trong khoa học xã hội	21-0102	2	Nguyễn Thị Hà Phương	21CTL2	A5-402	7	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
834	32021022	Tiếng Anh chuyên ngành	21-0102	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	21CTL2	B3-402	6	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
835	32021066	Tâm lý học lao động	21-0102	2	Hoàng Thế Hải	21CTL2	B3-504	5	Sáng	2	2	—45678901—34567890—
836	32021821	Thực hành tâm lý học 1	21-0102	2	Hoàng Thế Hải	21CTL2	B3-201	4	Sáng	1	4	—45678901—34567890—
837	32031725	Tâm lý học phát triển 1	21-0102	3	Nguyễn Thị Phương Trang	21CTL2	B3-201	4	Tối	11	3	—45678901—34567890—
838	32031736	Tâm lý học xã hội	21-0102	3	Nguyễn Thị Phương Trang	21CTL2	B3-303	3	Tối	11	3	—45678901—34567890—
839	32028106	Tâm lý học trí tuệ	21-0102	2	Hồ Thị Thuý Hằng	21CTL2	A5-404A	4	Chiều	7	2	—45678901—34567890—
840	32048029	Tâm lý học phát triển 2	21-0101	4	Bùi Thị Thanh Diệu	21CTL2	A5-404A	7	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
841	32048033	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Tâm lý học	21-0101	4	Lê Mỹ Dung	21CTL2	A5-211	5	Sáng	2	4	—45678901—34567890—
842	32048077	Thực hành tâm lý học	21-0101	4	Hồ Thị Thuý Hằng	21CTL2	B3.402B	6	Chiều	7	4	—45678901—34567890—
843	32021036	Khởi nghiệp	21-0101	2	Lê Thị Lâm	21CTXH	B3-201	7	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
844	32021702	Sức khỏe cộng đồng	21-0102	2	Trịnh Thị Nguyệt	21CTXH	A1-101	5	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
845	32031059	Chính sách xã hội	21-0101	3	Hà Văn Hoàng	21CTXH	A1-101	4	Chiều	8	3	—45678901—34567890—
846	32031118	Công tác xã hội với cá nhân	21-0101	3	Nguyễn Thị Hằng Phương	21CTXH	A5-406	2	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
847	32031736	Tâm lý học xã hội	21-0103	3	Nguyễn Thị Phương Trang	21CTXH	B4-04	3	Sáng	3	3	—45678901—34567890—
848	32041732	Tham vấn	21-0101	4	Nguyễn Thị Hằng Phương	21CTXH	B4-04	3	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
849	33121252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	21-0104	2	Bùi Đình Tuấn	21CTXH	B3-306	3	Tối	11	3	—45678901—34567890—
850	31221068	Công nghệ phần mềm	21-0101	2	Vũ Thị Trà	21STC	A5-206	5	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
851	31231066	Toán rời rạc	21-0101	3	Trần Văn Hưng	21STC	A5-304	5	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
852	31231070	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	21-0101	3	Phạm Anh Phương	21STC	A5-304	6	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
853	32221005	Cơ sở Khoa học tự nhiên và xã hội 2 ở tiểu học	21-0101	2	Trần Thị Kim Cúc	21STC	A1-101	3	Chiều	9	2	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
854	32231011	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học	21-0101	3	Nguyễn Thanh Hưng	21STC	B3-405	4	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
855	32232185	Công nghệ và đời sống	21-0101	3	Nguyễn Tiên Hoàng	21STC	A1-203	7	Sáng	3	3	—45678901—34567890—
856	32021373	Kỹ năng tham vấn học đường	21-0104	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	21STH1	B3-201	6	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
857	32221260	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	21-0104	2	Đoàn Thị Vân	21STH1	B3-402	2	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
858	32221683	Sinh lý học trẻ em	21-0102	2	Nguyễn Thị Tường Vi	21STH1	B3-201	7	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
859	32221777	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	21-0102	2	Vũ Đình Chinh	21STH1	A6-302	5	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
860	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	21-0102	2	Nguyễn Thị Thuý Nga	21STH1	A5-209	5	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
861	32231008	Âm nhạc và PP giáo dục âm nhạc ở tiểu học	21-0102	3	Phan Thị Quỳnh Lam	21STH1	B3-101	3	Sáng	3	3	—45678901—34567890—
862	32231031	Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học	21-0102	3	Phan Thảo Thơ	21STH1	B3-101	4	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
863	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0121	2	Nguyễn Thị Hương	21STH1+	A5-404C	5	Chiều	8	2	—45678901—34567890—
864	31621549	Pháp luật đại cương	21-0117	2	Nguyễn Thị Hoài Thương	21STH1+	A5-402	5	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
865	32021373	Kỹ năng tham vấn học đường	21-0103	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	21STH10	B3-201	5	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
866	32221030	Tin học chuyên ngành	21-0101	2	Kiều Mạnh Hùng	21STH10	C3.103	4	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
867	32221260	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	21-0103	2	Đoàn Thị Vân	21STH10	B4-02	3	Chiều	8	2	—45678901—34567890—
868	32221683	Sinh lý học trẻ em	21-0101	2	Nguyễn Công Thùy Trâm	21STH10	B3-402	6	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
869	32221777	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	21-0101	2	Vũ Đình Chinh	21STH10	B3-101	3	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
870	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	21-0101	2	Nguyễn Thị Thuý Nga	21STH10	B4-02	3	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
871	32231031	Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học	21-0101	3	Phan Thảo Thơ	21STH10	B3-101	2	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
872	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0120	2	Nguyễn Thị Hương	21STH10+	A5-404C	5	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
873	31621549	Pháp luật đại cương	21-0116	2	Nguyễn Văn Đông	21STH10+	A5-402	4	Chiều	8	2	—45678901—34567890—
874	32221030	Tin học chuyên ngành	21-0103	2	Kiều Mạnh Hùng	21STH2	C3.103	2	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
875	32221260	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	21-0105	2	Đoàn Thị Vân	21STH2	B4-02	5	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
876	32221683	Sinh lý học trẻ em	21-0103	2	Nguyễn Thị Tường Vi	21STH2	B3-103	2	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
877	32221777	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	21-0103	2	Vũ Đình Chinh	21STH2	B3-301	5	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
878	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	21-0103	2	Nguyễn Thị Thuý Nga	21STH2	B3-201	2	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
879	32231031	Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học	21-0103	3	Phan Thảo Thơ	21STH2	B3-201	3	Chiều	6	3	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
880	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0122	2	Trần Phan Hiếu	21STH2+	A5-404C	3	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
881	31621549	Pháp luật đại cương	21-0118	2	Nguyễn Thị Hoài Thương	21STH2+	A5-402	5	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
882	32021373	Kỹ năng tham vấn học đường	21-0106	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	21STH3	A5-209	2	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
883	32221260	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	21-0106	2	Đoàn Thị Vân	21STH3	A5-404C	7	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
884	32221683	Sinh lý học trẻ em	21-0104	2	Nguyễn Thị Tường Vi	21STH3	B3-301	6	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
885	32221777	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	21-0104	2	Nguyễn Thị Mai Thủy	21STH3	B3-501	5	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
886	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	21-0104	2	Nguyễn Thị Thuý Nga	21STH3	B3-101	3	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
887	32231008	Âm nhạc và PP giáo dục âm nhạc ở tiểu học	21-0104	3	Nguyễn Thị Lệ Quyên	21STH3	B3-201	4	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
888	32231031	Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học	21-0104	3	Phan Thảo Thơ	21STH3	B3-201	5	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
889	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0123	2	Trần Phan Hiếu	21STH3+	A5-404C	3	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
890	31621549	Pháp luật đại cương	21-0119	2	Nguyễn Thị Hoài Thương	21STH3+	A5-402	5	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
891	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0125	2	Trần Phan Hiếu	21STH4	A6-402	5	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
892	31621549	Pháp luật đại cương	21-0124	2	Phan Thị Nhật Tài	21STH4	A5-402	3	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
893	32021373	Kỹ năng tham vấn học đường	21-0107	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	21STH4	B3-101	2	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
894	32221260	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	21-0107	2	Đoàn Thị Vân	21STH4	B4-02	7	Sáng	2	2	—45678901—34567890—
895	32221683	Sinh lý học trẻ em	21-0105	2	Nguyễn Công Thùy Trâm	21STH4	B4-01	3	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
896	32221777	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	21-0105	2	Vũ Đình Chinh	21STH4	B3-306	4	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
897	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	21-0105	2	Nguyễn Thị Thanh Ngân	21STH4	B3-101	4	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
898	32231008	Âm nhạc và PP giáo dục âm nhạc ở tiểu học	21-0105	3	Nguyễn Thị Lệ Quyên	21STH4	B3-101	5	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
899	32231031	Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học	21-0105	3	Phan Thảo Thơ	21STH4	B3-101	5	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
900	32021373	Kỹ năng tham vấn học đường	21-0108	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	21STH5	B3-503	6	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
901	32221260	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	21-0108	2	Đoàn Thị Vân	21STH5	B3-503	6	Sáng	3	2	—45678901—34567890—
902	32221683	Sinh lý học trẻ em	21-0106	2	Nguyễn Công Thùy Trâm	21STH5	B3-103	7	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
903	32221777	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	21-0106	2	Nguyễn Thị Mai Thủy	21STH5	B3-503	7	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
904	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	21-0106	2	Nguyễn Thị Thanh Ngân	21STH5	B3-503	6	Chiều	8	2	—45678901—34567890—
905	32231008	Âm nhạc và PP giáo dục âm nhạc ở tiểu học	21-0106	3	Nguyễn Thị Lệ Quyên	21STH5	B3-503	7	Sáng	1	3	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
906	32231031	Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học	21-0106	3	Nguyễn Phan Lâm Quyên	21STH5	B3-203	7	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
907	32021373	Kỹ năng tham vấn học đường	21-0109	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	21STH6	B3-403	3	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
908	32221260	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	21-0109	2	Đoàn Thị Vân	21STH6	B3-502	4	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
909	32221683	Sinh lý học trẻ em	21-0107	2	Nguyễn Công Thùy Trâm	21STH6	B3-403	7	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
910	32221777	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	21-0107	2	Vũ Đình Chinh	21STH6	B3-403	6	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
911	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	21-0107	2	Nguyễn Thị Thanh Ngân	21STH6	B3-506	3	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
912	32231008	Âm nhạc và PP giáo dục âm nhạc ở tiểu học	21-0107	3	Nguyễn Thị Lệ Quyên	21STH6	B3-102	2	Chiều	7	3	—45678901—34567890—
913	32231031	Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học	21-0107	3	Nguyễn Phan Lâm Quyên	21STH6	A5-402	7	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
914	32021373	Kỹ năng tham vấn học đường	21-0110	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	21STH7	A6-503	5	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
915	32221260	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	21-0110	2	Đoàn Thị Vân	21STH7	B3-206	7	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
916	32221683	Sinh lý học trẻ em	21-0108	2	Nguyễn Công Thùy Trâm	21STH7	A5-206	6	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
917	32221777	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	21-0108	2	Nguyễn Thị Hà Phương	21STH7	A5-404C	2	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
918	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	21-0108	2	Nguyễn Thị Thanh Ngân	21STH7	B3-101	6	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
919	32231008	Âm nhạc và PP giáo dục âm nhạc ở tiểu học	21-0108	3	Nguyễn Hoàng Tịnh Uyên	21STH7	B3-203	4	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
920	32231031	Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học	21-0108	3	Nguyễn Phan Lâm Quyên	21STH7	B3-203	4	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
921	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0124	2	Trần Phan Hiếu	21STH7+	A5-404C	3	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
922	31621549	Pháp luật đại cương	21-0120	2	Nguyễn Thị Hoài Thương	21STH7+	A5-402	5	Chiều	8	2	—45678901—34567890—
923	32021373	Kỹ năng tham vấn học đường	21-0111	2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21STH8	B3-303	6	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
924	32221260	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	21-0111	2	Đoàn Thị Vân	21STH8	B3-203	2	Tối	12	2	—45678901—34567890—
925	32221683	Sinh lý học trẻ em	21-0109	2	Nguyễn Công Thùy Trâm	21STH8	B3-306	4	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
926	32221777	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	21-0109	2	Nguyễn Thị Mai Thủy	21STH8	B3-402	5	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
927	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	21-0109	2	Nguyễn Thị Thanh Ngân	21STH8	A6-302	2	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
928	32231008	Âm nhạc và PP giáo dục âm nhạc ở tiểu học	21-0109	3	Trương Quang Minh Đức	21STH8	B3-203	5	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
929	32231031	Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học	21-0109	3	Nguyễn Phan Lâm Quyên	21STH8	B3-203	6	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
930	31621549	Pháp luật đại cương	21-0125	2	Phan Thị Nhật Tài	21STH9	A5-402	2	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
931	32021373	Kỹ năng tham vấn học đường	21-0112	2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21STH9	B3-401	5	Chiều	9	2	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
932	32221260	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	21-0112	2	Đoàn Thị Vân	21STH9	B3-302	3	Tối	12	2	—45678901—34567890—
933	32221683	Sinh lý học trẻ em	21-0110	2	Nguyễn Công Thùy Trâm	21STH9	B3-201	3	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
934	32221777	Xác suất và Thống kê trong giáo dục tiểu học	21-0110	2	Nguyễn Thị Hà Phương	21STH9	B3-203	7	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
935	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	21-0110	2	Nguyễn Thị Thanh Ngân	21STH9	B3-203	7	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
936	32231008	Âm nhạc và PP giáo dục âm nhạc ở tiểu học	21-0110	3	Trương Quang Minh Đức	21STH9	B3-403	7	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
937	32231031	Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học	21-0110	3	Nguyễn Phan Lâm Quyền	21STH9	B3-206	6	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
938	32321006	Tổ chức hoạt động Aerobic ở trường mầm non	21-0101	2	Phan Thị Nga	21SMN1	B3-103	5	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
939	32321710	Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non	21-0101	2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21SMN1	B3-203	6	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
940	32331009	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	21-0101	3	Mai Thị Cẩm Nhung	21SMN1	B3-206	6	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
941	32331010	Đồ chơi và đồ dùng dạy học trong giáo dục mầm non	21-0101	3	Lê Thị Hoài Thương	21SMN1	A5-210	4	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
942	32331018	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	21-0101	3	Phan Thị Nga	21SMN1	B3-306	3	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
943	32341012	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	21-0101	4	Nguyễn Thị Diệu Hà	21SMN1	B3-306	2	Chiều	7	4	—45678901—34567890—
944	32321006	Tổ chức hoạt động Aerobic ở trường mầm non	21-0102	2	Lê Đình Hoàng	21SMN2	B3-103	6	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
945	32321710	Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non	21-0102	2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21SMN2	B3-302	6	Sáng	1	2	—45678901—34567890—
946	32331009	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	21-0102	3	Mai Thị Cẩm Nhung	21SMN2	A5-308	6	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
947	32331010	Đồ chơi và đồ dùng dạy học trong giáo dục mầm non	21-0102	3	Lê Thị Hoài Thương	21SMN2	A5-210	4	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
948	32331018	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	21-0102	3	Lê Đình Hoàng	21SMN2	A5-308	7	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
949	32341012	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	21-0102	4	Nguyễn Thị Diệu Hà	21SMN2	B3-102	5	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
950	32321006	Tổ chức hoạt động Aerobic ở trường mầm non	21-0103	2	Lê Đình Hoàng	21SMN3	B3-303	2	Chiều	6	2	—45678901—34567890—
951	32321710	Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non	21-0103	2	Bùi Thị Thanh Diệu	21SMN3	B3-306	4	Chiều	7	2	—45678901—34567890—
952	32331009	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	21-0103	3	Mai Thị Cẩm Nhung	21SMN3	A5-402	2	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
953	32331010	Đồ chơi và đồ dùng dạy học trong giáo dục mầm non	21-0103	3	Lê Thị Hoài Thương	21SMN3	A5-402	6	Sáng	3	3	—45678901—34567890—
954	32331018	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	21-0103	3	Lê Đình Hoàng	21SMN3	A5-402	7	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
955	32341012	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	21-0103	4	Nguyễn Thị Diệu Hà	21SMN3	A5-402	6	Chiều	6	4	—45678901—34567890—
956	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	21-0126	2	Trần Phan Hiếu	21SMN4	A6-202	4	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
957	31621549	Pháp luật đại cương	21-0126	2	Phan Thị Nhật Tài	21SMN4	A5-402	4	Sáng	1	2	—45678901—34567890—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
958	32321006	Tổ chức hoạt động Aerobic ở trường mầm non	21-0104	2	Lê Đình Hoàng	21SMN4	B3-303	3	Chiều	9	2	—45678901—34567890—
959	32321710	Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non	21-0104	2	Bùi Thị Thanh Diệu	21SMN4	B3-303	7	Sáng	4	2	—45678901—34567890—
960	32331009	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	21-0104	3	Mai Thị Cẩm Nhung	21SMN4	B3-102	5	Sáng	1	3	—45678901—34567890—
961	32331010	Đồ chơi và đồ dùng dạy học trong giáo dục mầm non	21-0104	3	Lê Thị Hoài Thương	21SMN4	A5-305	5	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
962	32331018	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	21-0104	3	Lê Đình Hoàng	21SMN4	B3-102	6	Chiều	6	3	—45678901—34567890—
963	32341012	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	21-0104	4	Nguyễn Thị Diệu Hà	21SMN4	B3-102	6	Sáng	1	4	—45678901—34567890—

Ghi chú

- Các mốc thời gian kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, nghỉ tết, ... theo kế hoạch năm học 2022-2023. Những lớp học phân bố trí còn thiếu số tiết trong Thời khóa biểu, Giảng viên tự bố trí dạy bù theo quy định.
- Giảng viên, Sinh viên xem Thời khóa biểu cá nhân tại website: <http://qlht.ued.udn.vn>.

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 8 năm 2022

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG PHÒNG P.ĐÀO TẠO



TS. Phan Đức Tuấn